TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 10/9/2018
Về việc: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Đức
2. Bà Nguyễn Thị Hạnh Thu

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa*:* Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 187/2018/TLST - HNGĐ ngày 25/7/2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2018/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị B, sinh năm 1995.

Nơi ĐKHKTT: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đồng Thanh D, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị Phạm Thị B là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Đồng Thanh D trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 28/12/2016. Sau ngày cưới vợ chồng ăn ở chung với bố mẹ chồng, cả hai đều là công nhân. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách hai người không hợp nhau, anh D thường hay chơi bời không có trách nhiệm tới gia đình, dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị đã tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương để ở từ tháng 10/2017 cho tới nay. Chị thấy không còn tình cảm với anh Đồng Thanh D, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung là Đồng Thanh Mỹ A, sinh ngày 21/10/2017, hiện nay ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Đồng Thanh D đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh D không đến và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị B.

Ông Đồng Thanh D là bố đẻ của anh Đồng Thanh D trình bày: Vợ chồng chị B, anh D hạnh phúc được gần 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, do anh D chơi bời, nợ nần dẫn tới vợ chồng hay cãi nhau, chị B đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 10 năm 2017 cho tới nay. Chị B xin ly hôn với anh D, Tòa án thông báo và triệu tập anh D đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn, ông đã thông báo cho anh D và giao các giấy tờ của Tòa án cho anh D, nay chị B xin ly hôn với anh D đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật; gia đình ông không nợ gì vợ chồng chị B, anh D và vợ chồng cũng không nợ gì gia đình ông.

Tại phiên tòa: Chị Phạm Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D và đề nghị được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị B là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Trong thời hạn giải quyết vụ án, các bên đương sự không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đưa vụ án ra xét xử. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của BLTTDS; đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của BLTTDS; đối với người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 78 của BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX căn cứ các điều: 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí toà án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị B, đề nghị xử cho chị Phạm Thị B ly hôn với anh Đồng Thanh D; Về quan hệ

con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Đồng Thanh Mỹ A, sinh ngày 21/10/2017 cho chị B nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con; Về án phí: Chị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh D không tham gia hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Bị đơn là anh Đồng Thanh D đã được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai anh D đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đồng Thanh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị B và anh Đồng Thanh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 28/12/2016. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh D là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng hạnh phúc được gần 01 năm đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D chơi bời, nợ nần sống không có trách nhiệm tới gia đình, chị B đã về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 10 năm 2017, anh chị sống ly thân không ai quan tâm tới ai, giữa anh chị cũng không có biện pháp gì cải thiện quan hệ tình cảm. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị B và anh D thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị B cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Do vậy, căn cứ các điều: 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị B được ly hôn với anh D là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đồng Thanh Mỹ A, sinh ngày 21/10/2017. Hội đồng xét xử thấy cháu A còn nhỏ, chị B luôn gần gũi, chăm sóc, dậy dỗ, nuôi dưỡng con. Hiện nay chị B có công việc làm và thu nhập ổn định. Việc chị B trực nuôi dưỡng con cho đến khi con thành niên là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của các bên đương sự hiện nay, đồng thời không làm xáo trộn cuộc sống, không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của con chung. Do vậy giao con chung Đồng Thanh Mỹ A cho chị B nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho con. Như vậy là phù hợp các điều: 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản vợ chồng: Chị B, anh D không yêu cầu nên không phải đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị B khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị B ly hôn anh Đồng Thanh D.

2. Về con chung: Xử giao con Đồng Thanh Mỹ A, sinh ngày 21/10/2017 cho chị Phạm Thị B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho con.

Anh Đồng Thanh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị B phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình), được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000603 ngày 25/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết/.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự
- UBND xã Q,
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Tú